

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 07 năm 2019)

Sơn La, tháng 04 năm 2022

Trang 1

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7
Trụ sở chính	:	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng đại diện	:	Ô 36-V5A, khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024.666.80228
Website	:	songda7.com.
Giấy CNĐKKD	:	Số 5400105091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019
Mã số thuế	:	5400105091
Vốn điều lệ	:	106.000.000.000 (<i>Một trăm linh sáu tỷ</i>) đồng
Mã cổ phiếu	:	SD7

Quá trình hình thành và phát triển

+ Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

+ Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 5400105091 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 25/02/2019.

+ Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006 đến ngày 25/05/2018 chuyển xuống giao dịch tại sàn Upcom.

Trang 2

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

+ Các sự kiện khác:

- Từ năm 2002-2006: Công ty tham gia thi công Thủy điện Tuyên Quang có công suất 342 MW là công trình thủy điện lớn thứ 3 miền bắc tại thời điểm đó với tư cách là một trong những đơn vị thi công chính. Các hạng mục công trình do Công ty thi công được chủ đầu tư và tổng thầu đánh giá cao về tiến độ và chất lượng công trình.

- Từ năm 2004-2011: Công ty tham gia thi công 3/6 tổ máy Thủy điện Sơn La có công suất 2.400 MW là công trình Thủy điện lớn nhất Đông Nam Á. Bên cạnh đó Công ty còn được Tổng công ty Sông Đà giao nhiệm vụ là đơn vị thi công công trình Thủy điện Nậm Chiến có công suất 200 MW. Công ty đã góp phần tích cực trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công để đưa nhà máy Thủy điện Sơn La phát điện sớm 2 năm so với tiến độ đề ra.

- Từ năm 2010 đến 2017: Công ty tiếp tục được tin tưởng giao nhiệm vụ là một trong những đơn vị thi công chính Thủy điện Lai Châu có công suất 1.200 MW và là thành viên của tổ hợp nhà thầu thi công thủy điện Bản Chát có công suất 220 MW.

- Từ năm 2017 đến nay Công ty Tập trung quyết toán tại các công trình mà công ty đã thi công và tham gia làm nhà thầu chính tại Công trình thủy điện Nậm Thi 2 tại Lai Châu.

- Từ tháng 08/2018 Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 do Công ty góp vốn đã đi vào hoạt động phát điện thương mại Với Công suất 8MW. Năm 2021 Nhà máy thủy điện Nậm Thi bước đầu mang lại hiệu quả.

- Hiện nay Công ty đang tập trung vào thu vốn tại các công trình đã thi công để có vốn phục vụ mục tiêu phục hồi sản xuất kinh doanh.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu tại địa bàn Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh phía bắc.

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp; công cộng, nhà ở và xây dựng khác
- Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Xây dựng công trình thông tin bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lấp đất;

Trang 3

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí Ô Tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, Bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, môi giới, đầu giá bất động sản
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ, SXKD điện thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị Công ty: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty liên kết

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

Trang 4

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm trong đó có 1 thành viên không điều hành. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

- | | | |
|----|-----------------------------|---|
| 1. | Ông Nguyễn Hữu Doanh | Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty; |
| 2. | Ông Trần Văn Tài | Thành viên HĐQT |
| 3. | Ông Quát Văn Quang | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông Đặng Quang Hiệu | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021) |
| 5. | Ông Nguyễn Văn Long | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021) |

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách

nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

- | | | | |
|----|-----------------------------|----------------|-------------------------------|
| 1. | Ông Nguyễn Thế Hoàng | Trưởng BKS | (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021) |
| 2. | Ông Đặng Việt Hùng | Trưởng BKS | (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021) |
| 3. | Ông Bùi Phan Thanh | Thành viên BKS | (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021) |
| 4. | Ông Nguyễn Anh Lam | Thành viên BKS | |
| 5. | Ông Nguyễn Cao Sơn | Thành viên BKS | (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021) |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 02 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết

Trang 6

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

định mức lương, phụ cấp (*nếu có*) cho người lao động trong Công ty;

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

1. Ông **Nguyễn Văn Bút** Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
2. Ông **Nguyễn Cao Sơn** Phó tổng giám đốc

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Phòng thiết bị kỹ thuật có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo hộ lao động của Công ty. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;

PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Phòng vật tư thiết bị có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất

- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phân xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phần xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;

- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đơn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

Các Công ty liên kết:

TT	Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	41.746.413.455	34,81

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Sông Đà 7 xác định rõ mục tiêu: Bảo tồn nguồn vốn hiện có.
- Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, dứt điểm công tác thu hồi công nợ từ Tổng công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần. Trong trường hợp cần thiết có thể thuê bên thứ ba tiến hành khởi kiện.
- Thanh lý hợp đồng các công trình đơn vị đã thi công.

Trang 9

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Tập trung thực hiện công tác tiếp thị đầu thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty khi có điều kiện thích hợp;
- Tìm hiểu thị trường để tham gia góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, cụm khu công nghiệp;

5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19 với quy mô toàn cầu dẫn đến kinh tế thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Điều này có ảnh hưởng rất lớn tới Công ty cổ phần Sông Đà 7 trong việc tìm kiếm việc làm.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7. luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam đang chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới và năm 2021 mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam ở mức thấp nhất trong vòng 30 năm qua chỉ đạt 2,58% . Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước như vậy, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng bị ảnh hưởng rất lớn tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới cơ hội tìm kiếm việc làm mới của Sông Đà 7.04.

Lạm phát

Các vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực, lạm phát Việt Nam đang tiếp tục được duy trì ở mức ổn định hợp lý. Với các chỉ số và các dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong đó có Sông Đà 7.04.

Lãi suất

Hiện nay Công ty CP Sông Đà 7 đang tạm thời không sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng, Vì vậy hiện tại Công ty CP Sông Đà 7 chưa bị ảnh hưởng rủi ro về lãi suất.

▪ RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 là Công ty đại chúng và tham gia thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công

ty Cổ phần Sông Đà 7 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc cổ phiếu Sông Đà 7 được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

• **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được như sau:

- Cho thuê văn phòng làm việc tại tầng 7 tòa nhà Sông Đà quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội;
- Thu được 1 phần công nợ phải thu, Giải quyết được 1 số tồn tại tại các công trình đơn vị tham gia thi công.
- Hoàn thành 1 phần nghĩa vụ nợ với Cục thuế tỉnh Sơn La.
- Cho vay vốn tạm thời nhàn rỗi chưa sử dụng tới
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

Trang 11

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Được chia cổ tức từ Công ty CP thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7.

• **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 7 không đạt được kế hoạch đề ra do không tìm kiếm được việc làm mới dẫn đến Công ty không có phát sinh doanh thu mới từ hoạt động SXKD ngoại trừ doanh thu có được từ hoạt động cho thuê văn phòng tại tầng 7 tòa Nhà HH4 – Mỹ Đình – Nam Từ Liêm – Hà Nội.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

• **Danh sách Ban điều hành**

- **Ông Nguyễn Văn Bút – Tổng giám đốc**

- Họ và tên : Nguyễn Văn Bút
 - Giới tính : Nam
 - Ngày, tháng, năm sinh : 01/09/1958
 - Nơi sinh : Văn Phú - Thường Tín - Hà Nội.
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Số CMTND/Hộ chiếu : 113389811 do công an Hòa Bình cấp ngày 29/03/2007
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội.
 - Địa chỉ thường trú : Tổ 18 phường Phúc La – Quận Hà Đông – Thành Phố Hà Nội.
 - Trình độ văn hóa : 10/0
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy.
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1983 - 1984 : Nhân viên phòng quản lý cơ giới Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 1985 – 1986 : Phó phòng QLCG – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 1987 – 1989 : Phó quản đốc phân xưởng bê tông Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 1990 – 1993 : Phó giám đốc xí nghiệp Đá Hoa.
 - ✓ Từ 1993 – 1994 : Đội trưởng đội lắp máy chi nhánh YALY- Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 1994 – 2001 : Trưởng phòng quản lý Cơ giới Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 2002 – 2021 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 2021 – Nay : Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng giám đốc Công ty
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Nguyễn Cao Sơn - Phó Tổng giám đốc**
- Họ và tên : Nguyễn Cao Sơn

Trang 12

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 30/08/1982
- Nơi sinh : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111631612
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ xây dựng công trình thủy lợi.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2000 – 2005 : Học tại trường Đại Học Thủy Lợi;
 - ✓ Từ T07/2005 – T03/2010 : Chuyên viên kỹ thuật tại Ban điều hành dự án thủy điện Tuyên Quang;
 - ✓ Từ T03/2010 – T11/2011 : Trưởng phòng quản lý kỹ thuật Thi công an toàn Công trình thủy điện Lai Châu;
 - ✓ Từ T11/2011 – T06/2013 : Chuyên viên BĐH thi công nhà Quốc Hội – Tập đoàn Sông Đà
 - ✓ Từ T06/2013 – T08/2020 : Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ - Công ty cổ phần Sông Đà 7
 - ✓ Từ T08/2020 – Nay : Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu SD7 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2022) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Ông Đặng Quang Hiệu - Kế toán trưởng**
- Họ và tên: **Đặng Quang Hiệu**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 034084011049 Ngày cấp: 10/10/2018
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1984
- Nơi sinh: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoa Nam, Đông Hưng, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 270C- CT6C – Khu đô thị Bemes Phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán,
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/2009 – T04/2011: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7.04;
 - ✓ Từ 05/2011 – T06-2012 : Kế toán trưởng chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu;
 - ✓ Từ 07/2012 – T12/2014: Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 7.04;
 - ✓ Từ 04/2015 – T12/2015: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2016 – T06/2016: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7;
 - ✓ Từ T07/2016 – T12/2016: Quyền kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7;
 - ✓ Từ T01/2017 - Nay : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty CP Sông Đà 7.04
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 30/03/2022*): 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 30/03/2022*): 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- **Những thay đổi trong Ban điều hành: T04/2021 bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Bút làm Tổng giám đốc Công ty.**
- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tổng số lao động bình quân năm 2021 là 21 người. Do chưa tìm được công việc mới nên Công ty chỉ giữ lại những lao động cốt cán để giữ người. Khi tìm kiếm được việc làm mới Công ty sẽ thực hiện tuyển dụng thêm để đáp ứng theo yêu cầu.
- **Chính sách đối với người lao động:**

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh

doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

Căn cứ vào nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho phù hợp. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SĐ7 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Hệ thống lương của Sông Đà 7 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn

cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 2005. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2021 Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư mới nào.
- **Các công ty liên kết**

Hiện tại công ty cổ phần Sông Đà 7 chỉ có 1 công ty liên kết duy nhất là Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

- Công ty CP Sông Đà 7.02 có vốn điều lệ 120.000.000.000 đồng, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành đưa dự án

Trang 16

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đi vào phát điện thương mại từ tháng 07/2018 . Trong năm 2021 Công ty bắt đầu có lãi.

Trước năm 2015 hoạt động chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 là xây lắp, sản xuất công nghiệp tại các dự án thủy điện Sơn La, Bản Chát, Sứ Pán 2 và các phát sinh khối lượng, giá trị dở dang, công nợ phải thu tại các dự án này đến nay vẫn chưa được quyết toán, thu hồi dứt điểm. Từ năm 2015 đến nay Công ty CP Sông Đà 7.02 chỉ tập trung vào việc đầu tư và thực hiện dự án thủy điện Nậm Thi 2.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	204.487.926.607	198.090.405.234
2	Doanh thu thuần	4.643.847.109	2.587.469.744
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.063.498.418)	(2.712.897.007)
4	Lợi nhuận khác	(54.603.881)	1.234.480.234
5	Lợi nhuận trước thuế	(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
6	Lợi nhuận sau thuế	(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
7	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,99	2,043
-	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,88	2,008
2	Chỉ tiêu cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,39
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,66	0,64
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(57)%	(105)%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	(1,2)%	(1)%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(0,73)%	(0,56)%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.600.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- **Cơ cấu cổ đông:**

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2021:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Hữu Doanh	Villa 1-07, KNO & TTTM phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP Hà Nội	001068013252	2.602.100	24,54%

2	Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Thôn Lán Tranh, xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	5800519428	2.500.000	23,58%
3	Nguyễn Trọng Khoa	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	001089032438	800.000	7,55%
	Tổng cộng			5.902.100	55,68%

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 29/03/2022:

- Tại ngày 29/03/2022 Cổ đông trong nước nắm giữ 10.524.809 cổ phần chiếm tỷ lệ 99,291%. Cổ đông nước ngoài nắm giữ 75.191 cổ phần chiếm 0,709%.

- Tại ngày 29/03/2022 cổ đông là tổ chức nắm giữ : 2.513.856 cổ phần chiếm tỷ lệ 23,716%. Cổ đông là cá nhân nắm giữ 8.086.144 cổ phần chiếm 76,284%.

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2022 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.
- **Giao dịch chứng khoán khác:** Không.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty CP Sông Đà 7 các dự án Thủy điện lớn đã không còn trong khi Thủy điện Lai Châu đi vào phát điện. Khó khăn lớn nhất của Công ty là vốn ít, Công ty bị thua lỗ liên tiếp, công tác tìm kiếm công việc chưa đạt hiệu quả ảnh hưởng đến thu nhập và việc làm của CBCNV. Nguyên nhân chính dẫn đến việc Tổng giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu không đạt so với kế hoạch là do:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới nên ảnh hưởng rất lớn tới Công tác tìm kiếm việc làm phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- Việc tổ chức tìm kiếm việc làm, đấu thầu các dự án, công trình mới gặp rất nhiều khó khăn do trước đây công ty chủ yếu được làm các công trình chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Một số công trình đã thi công xong từ lâu nhưng do chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán nên công nợ phải thu còn rất lớn. Điều này làm Công ty không có nguồn tài chính thanh toán cho khách hàng, nộp thuế.
- Toàn bộ các công trình công ty tham gia thi công, sản xuất vật liệu đều đi vào giai đoạn hoàn thành và chuyển giao sang vận hành thương mại.

Trang 19

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Nguồn tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH năm
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	38,02	4,64	12%
2	Doanh thu	Tỷ.đ	32,3	4,64	14%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ.đ	1,2	0,93	78%
4	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,118	
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	-1,5	-1,118	
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	120,2	121,2	101%
6	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	9,0	10	111%
7	CBCNV bình quân	Người	25	21	84%

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

• Tình hình tài sản

Tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 là 198,1 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn 151,6 tỷ đồng chiếm 76,5 % trong đó công nợ phải thu khách hàng lên tới 104,8 tỷ đồng như vậy công ty đang bị các khách hàng chiếm dụng vốn với giá trị lớn và trong thời gian dài ảnh hưởng rất lớn tới tài chính Công ty. Trong năm 2021 giá trị Tổng tài sản giảm so với thời điểm 01/01/2021 là 6,4 tỷ đồng nguyên nhân chính là trong năm công ty thu hồi được 1 phần giá trị công nợ từ khách hàng và thanh toán công nợ cho nhà cung cấp..

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tổng tài sản			
-	Hiệu suất sử dụng tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		0,01	0,005
-	Hệ số sinh lợi tổng tài sản (Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/Tổng tài sản bình quân trong kỳ)		(0,007)	(0,005)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
2	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản ngắn hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản ngắn hạn (Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân trong kỳ)		0,015	0,0068
-	Vòng quay Tài sản ngắn hạn (Giá vốn hàng bán/Tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,0068	0,0076
-	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	262	396
-	Kỳ thu tiền bình quân (Các khoản phải thu bình quân/Doanh thu thuần)*360 ngày	Ngày	20.959	46.470
3	Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng Tài sản dài hạn			
-	Hiệu suất sử dụng Tài sản dài hạn (Doanh thu thuần/Tài sản dài hạn bình quân)		0,056	0,023

Năm 2021 Công ty không tìm kiếm được việc làm mới chỉ có doanh thu thu được từ cho thuê nhà tại tầng 7 HH4 . Điều này thể hiện Ban điều hành công ty chưa phát huy được hết năng lực của các loại tài sản của công ty, điều này được thể hiện rất rõ qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản nêu trên. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản đều ở mức rất thấp cho thấy việc sử dụng tài sản chưa tạo ra được nhiều doanh thu và lợi nhuận tương ứng với quy mô hiện có của tài sản.

- **Tình hình nợ phải trả**

Tính đến 31/12/2021 nợ phải trả của Công ty là 77,3 tỷ đồng giảm 5,2 tỷ đồng so với đầu năm, toàn bộ số nợ phải trả này chủ yếu là nợ ngắn hạn và có khả năng trả nợ. Trong đó nợ phải trả người bán ngắn hạn giảm 7,8 tỷ đồng. Năm 2021 Ban điều hành Công ty đã thu hồi được 1 phần công nợ phải thu và sử dụng để trả nợ cho nhà cung cấp của Công ty.

3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

Ban điều hành Công ty đánh giá năm 2022 là một năm vô cùng khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi một số nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong nước đều đang rất khó khăn nên chỉ cố gắng duy trì hoạt động không có xu hướng đầu tư mở rộng nên ảnh hưởng tới việc tìm kiếm việc làm phù hợp với Công ty.
- Việc đấu thầu, tiếp thị tìm kiếm công việc mới gặp khó khăn do Công ty trước đây chủ yếu tham gia dự án theo hình thức chỉ định thầu và hoạt động tại địa bàn vùng sâu vùng xa.
- Tình hình tài chính khó khăn do không thu hồi được công nợ .

Trước tình hình như vậy, Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và những năm tiếp theo như sau:

- Sông Đà 7 xác định rõ mục tiêu: Bảo tồn nguồn vốn hiện có.
- Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt, dứt điểm công tác thu hồi công nợ từ Tổng công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần. Trong trường hợp cần thiết có thể thuê bên thứ ba tiến hành khởi kiện.
- Thanh lý hợp đồng các công trình đơn vị đã thi công.
- Tập trung thực hiện công tác tiếp thị đấu thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty khi có điều kiện thích hợp;
- Tìm hiểu thị trường để tham gia góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, cụm khu công nghiệp;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Sông Đà 70.2.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2022	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ.đ	35	
2	Doanh thu	Tỷ.đ	30	
3	Đầu tư góp vốn kinh doanh BĐS, cụm khu công nghiệp	Tỷ.đ	100	
4	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ.đ	2,5	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	-1,5	
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	119,2	
7	Vốn điều lệ	Tỷ.đ	106,0	
8	Thu nhập BQ 1 CBCNV/tháng	triệu.đ	10,5	
9	CBCNV làm việc bình quân	Người	21	

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đối với ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 310322.014/BCTC.KT5 ngày 31/03/2022 do Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC thực hiện Ban Tổng giám đốc đánh giá và cho rằng:

Giải trình lợi nhuận năm 2021 lãi biến động hơn 10% so với năm 2020:

Trang 22

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Do các Công trình đơn vị thi công đã hoàn thành. Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới nên trong năm 2021 Công ty chỉ có doanh thu từ tiền cho thuê văn phòng. Năm 2021 có phát sinh thêm doanh thu hoạt động tài chính nên lỗ biến động hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giải trình ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán:

- Khoản trích lập dự phòng: Đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính Công ty đã trích lập đầy đủ tuy nhiên còn khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 Công ty sẽ xem xét điều chỉnh trong các năm tài chính tới. Đối với khoản công nợ phải thu ngắn hạn Ban lãnh đạo Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi.

- Về xác nhận chưa đầy đủ công nợ phải trả do Công trình kết thúc các đơn vị đã thay đổi địa chỉ cùng với điều kiện dịch bệnh nên việc xác nhận công nợ gặp nhiều khó khăn.

- Khoản đầu tư uỷ thác của các cá nhân: Đây là khoản đầu tư của các cá nhân là cán bộ công nhân viên của công ty và các đơn vị thành viên, là khoản đầu tư của các Công ty chưa niêm yết.

- Về khả năng hoạt động liên tục: Hiện tại Công ty đang tập trung thu hồi công nợ để thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước tại Sơn La. Đồng thời ban lãnh đạo Công ty đang tìm kiếm việc làm và dự án đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế nhằm phát triển bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021, Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Công ty đang trong giai đoạn tập trung cơ cấu lại tổ chức hoạt động và quyết toán, thu vốn tại các công trình; Công ty chưa tìm kiếm được việc làm mới...

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được như sau:

- Hoàn thành công tác quyết toán tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng.
- Thực hiện sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động, tinh giảm đội ngũ cán bộ quản lý, nghiệp vụ để tiết giảm chi phí quản lý.

3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thu hồi dứt điểm công nợ tồn đọng với Tổng Công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần tại Công trình thủy điện Huội Quảng, Nậm Chiến...
- Tìm kiếm cơ hội khai thác đá và sản xuất đá dăm các loại tại khu vực lương Sơn Hòa Bình.
- Đầu tư vào các khu công nghiệp (cụm công nghiệp) khu vực Thanh Oai Hà Nội khoảng 2ha (20.000m²) để:
 - + Xây dựng nhà xưởng kho bãi với mục đích cho thuê và sản xuất, Logistic.
 - + Xây dựng và sản xuất bê tông đúc sẵn.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, vận hành sản xuất điện thương phẩm của nhà máy đảm bảo năng suất, hiệu quả cao thông qua quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP thủy điện Cao Nguyên-Sông Đà 7 và Công ty CP Sông Đà 70.2.
- Tập trung giám sát, đôn đốc Công ty CP Sông Đà 7.02 thực hiện quá trình đầu tư, tổ chức thi công đúng tiến độ đề ra của dự án Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1.
- Xử lý dứt điểm vật tư tồn đọng không có nhu cầu sử dụng, xe máy hư hỏng hoặc hoạt động không còn hiệu quả.
- Chủ động cân đối đủ nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư, thi công tại các công trình của đơn vị.
- Tìm kiếm địa điểm phù hợp để đầu tư mua đất xây trụ sở Công ty và cho thuê.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:

- Họ và tên : Nguyễn Hữu Doanh
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 03/09/1968

Trang 24

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- Nơi sinh : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 001068013252 do Cục cảnh sát cấp ngày 14/03/2018
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Hà Cầu – Hà Đông - Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ T07/1987 – 12/1994: Công ty XD Công trình ngầm – Tổng công ty Sông Đà.
 - ✓ Từ T01/1995 – 12/1996 : Công ty XD Sông Đà 8 – Tổng Công ty Sông Đà
 - ✓ Từ T03/1997-T06/2002: Học Đại học xây dựng
 - ✓ Từ T07/2002 – 01/2004 : Đội trưởng đội xây lắp số 1 – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T02/2004 – 12/2007 : Giám đốc XN Sông Đà 7.04 – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T01/2008 – T7/2010 : Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T08/2010 – T05/2012 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ T05/2012 –T04/2016 : Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T05/2016 – T07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T08/2020 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Thành Viên Hội Đồng quản trị:

- **Thành viên thứ nhất**

- Họ và tên : Trần Văn Tài
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 09/03/1979
- Nơi sinh : Phạm Tân – Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phạm Tân – Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Phạm Tân – Ngô Quyền – Thanh Miện – Hải Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện.
- Quá trình công tác:

Trang 25

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

- ✓ Từ 2004-2007: Công tác tại Xí nghiệp Bê Tông – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 2008-2011: Trưởng phòng Quản lý vật tư cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7.04
 - ✓ Từ 2011-2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ 2013 – T08/2015 : Phó Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ T9/2015- nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Chức vụ tại Công ty khác: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- **Thành viên thứ Hai**
- Họ và tên : Quát Văn Quang
 - Giới tính : Nam
 - Ngày, tháng, năm sinh : 04/08/1979
 - Nơi sinh : Thanh Lâm – Lục Nam – Bắc Giang
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thanh Lâm – Lục Nam – Bắc Giang
 - Địa chỉ thường trú : Dự án Tổng cục 5 Bộ Công an, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện.
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2003-T04/2004: Kỹ thuật – Công ty Lắp Máy Lilama;
 - ✓ Từ T04/2004- T11/2004: Nhân viên Phòng cơ giới Vật tư Công ty CP Sông Đà 5
 - ✓ Từ T12/2004 – T11/2013: Trưởng ban Vật tư cơ giới XN Sông Đà 5.03- Công ty CP Sông Đà 5;
 - ✓ Từ T01/2013 – Nay : Trưởng phòng cơ giới – Vật tư Sông Đà 7.
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Chức vụ tại Công ty khác: Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 7.04.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Stt	Họ và Tên	Chức Danh	Tỷ lệ sở hữu	Chức danh nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	24,55%	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7 - Chủ tịch Công ty CP Sông Đà 7.04
2	Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	0%	- Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
3	Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	0%	- Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 7.04.

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:** Không

- **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không

- **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2022 và các nội dung khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

+ Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục tập trung thu vốn tại các công trình: Thủy điện Huội Quảng; Thủy điện Nậm Chiến; Thủy điện Lai Châu...và các công trình dự án mà công ty tham gia để phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

+ Trong năm 2021 HĐQT đã ban hành 2 Nghị quyết, 05 Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:

+ Nghị quyết phê duyệt phương án cho vay vốn lưu động

+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán.

+ Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

+ Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc

+ Quyết định nâng bậc lương.

+ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Công ty chưa có thành viên hội đồng quản trị độc lập.

- **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Đơn vị đào tạo

+ Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.

- Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Trong năm 2021 các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác về cơ bản đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan; đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông của công ty.

+ Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của công ty.

+ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

+ Năm 2021 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2021 đề ra, cụ thể như sau: - Trong năm Công ty không tìm kiếm được việc làm mới, việc thu hồi công nợ chưa đạt được theo kỳ vọng...

+ Báo cáo của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã phản ánh đúng tình hình hoạt động và đầu tư của công ty trong năm 2021.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Chức Danh	Lương	Thù Lao	Lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	273.553.067	0	0
2	Quát Văn Quang	Thành viên HĐQT	222.262.248	0	0

Trang 29

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

3	Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	0	0	0
II Ban điều hành					
1	Nguyễn Văn Bút	Tổng giám đốc	222.363.636	0	0
2	Nguyễn Cao Sơn	Phó Tổng giám đốc	229.576.618	0	0
3	Đặng Quang Hiệu	Kế toán Trưởng	214.355.885	0	0
III Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thế Hoàng	Trưởng BKS	0	0	0
2	Bùi Phan Thanh	TV BKS	121.937.367	0	0
3	Nguyễn Anh Lam	TVBKS	0	0	0

- **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:** Không.
- **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người liên quan:**

Đơn vị tính: Đồng

Giao dịch phát sinh trong năm:		Mối quan hệ	Năm 2021
Lãi cho vay			
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.271.367.123

Số dư với các bên liên quan như sau:		Mối quan hệ	31/12/2021
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
-	Công ty cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.844.492.012
Phải thu về cho vay			
	Công ty cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	5.100.000.000
Phải thu khác:			
-	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.271.367.123

Trang 30

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

-	Công ty CP Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch	238.929.090
---	-------------------------	---------------	-------------

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 30/03/2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2018 và năm 2020, Công ty ghi nhận vào khoản mục “Thu nhập khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các khoản chi phí trích trước thí nghiệm liên quan đến thực hiện dự án thủy điện của một số nhà cung cấp với số tiền lần lượt là 4.261.156.496 VND và 1.199.430.847 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty trích lập thừa dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 với số tiền là 15.429.488.678 VND (tại thời điểm 01/01/2021 Công ty trích lập thừa dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 với số dự phòng trích lập thừa lần lượt là 14.773.273.232 VND và 24.960.000 VND). Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” (Mã số 254) đang phản ánh thừa đồng thời chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2021 đang phản ánh thiếu cùng số tiền là 15.429.488.678 VND; chỉ tiêu “Chi phí tài chính” (Mã số 22) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và năm 2021 phản ánh thừa số tiền lần lượt là 6.222.294.410 VND và 631.255.346 VND.

Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty trích lập thiếu dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu số tiền lần lượt là 10.093.488.319 VND và 8.867.079.449 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” (Mã số 137) đang phản ánh thiếu đồng thời chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 phản ánh thừa với số tiền lần lượt là 10.093.488.319 VND và 8.867.079.449 VND; đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Mã số 26) năm 2020 phản ánh thiếu số tiền là 1.306.545.389 VND năm 2021 phản ánh thừa số tiền là 1.226.408.870 VND.

Tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021, các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với số tiền lần lượt là 5.751.668.087 VND và 12.198.229.497 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu này và các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang phản ánh các khoản nhận ủy thác đầu tư tại chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” và “Phải trả dài hạn khác” của Bảng cân đối kế toán với tổng số tiền là 3.958.718.250 VND (thuyết minh số 15). Số tiền này đã được Công ty đầu tư vào các đơn vị khác (ghi chú số v, thuyết minh số 4a). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

Trang 33

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.592.637.404	158.296.775.473
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.185.863.546	9.988.514.766
111	1. Tiền		12.185.863.546	988.514.766
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	9.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	8.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	8.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		136.778.443.024	137.094.904.344
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	104.865.135.791	115.346.474.258
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.159.533.391	2.237.750.994
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	24.300.000.000	15.300.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	24.517.027.338	23.273.932.588
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(19.063.253.496)	(19.063.253.496)
140	IV. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
141	1. Hàng tồn kho		4.480.000	4.480.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.623.850.834	3.008.876.363
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.538.603.919	1.923.629.448
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.085.246.915	1.085.246.915
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.497.767.830	46.191.151.134
220	I. Tài sản cố định		224.694.917	224.694.917
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	224.694.917	224.694.917
222	- Nguyên giá		3.541.317.610	6.563.942.848
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.316.622.693)	(6.339.247.931)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	28.358.084.455	27.452.644.455
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.746.413.455	41.746.413.455
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.340.758.778	14.408.758.778
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.729.087.778)	(28.702.527.778)
260	III. Tài sản dài hạn khác		17.914.988.458	18.513.811.762
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	17.914.988.458	18.513.811.762
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		198.090.405.234	204.487.926.607

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		77.321.413.337	82.600.832.411
310	I. Nợ ngắn hạn		74.199.432.337	79.410.851.411
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.817.609.474	31.652.380.816
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		269.107.800	242.624.123
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.070.693.405	6.056.460.051
314	4. Phải trả người lao động		1.284.166.549	1.037.198.573
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	29.339.780.805	29.339.780.805
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	14.418.074.304	11.082.407.043
330	II. Nợ dài hạn		3.121.981.000	3.189.981.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	3.121.981.000	3.189.981.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		120.768.991.897	121.887.094.196
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	120.768.991.897	121.887.094.196
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		106.000.000.000	106.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.000.000.000	106.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		13.064.931.325	13.064.931.325
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.704.060.572	2.822.162.871
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.822.162.871	4.300.579.644
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		198.090.405.234	204.487.926.607


Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu


Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 30 tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	4.643.847.109	2.587.469.744
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	3.583.013.810	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.060.833.299	2.587.469.744
11	4. Giá vốn hàng bán	20	1.775.449.465	1.177.412.648
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(714.616.166)	1.410.057.096
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.539.570.563	958.862.570
22	7. Chi phí tài chính	22	(973.440.000)	165.017.773
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	165.017.773
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.861.892.815	4.916.798.900
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.063.498.418)	(2.712.897.007)
31	10. Thu nhập khác	24	648.033.035	1.264.885.392
32	11. Chi phí khác	25	702.636.916	30.405.158
40	12. Lợi nhuận khác		(54.603.881)	1.234.480.234
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(105)	(139)

Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu

Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Sơn La, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(4.550.550.895)	(331.950.575)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		598.823.304	748.337.642
03	- Các khoản dự phòng		(973.440.000)	(220.988.875)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.175.934.199)	(1.024.317.115)
06	- Chi phí lãi vay		-	165.017.773
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.668.653.194)	(1.810.367.348)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.922.729.830	36.431.901.041
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.211.419.074)	(9.329.530.704)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	79.177.593
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(165.017.773)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.130.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.042.657.562	25.205.032.809
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		636.363.636	45.454.545
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.000.000.000)	(4.200.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		8.200.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		318.327.582	1.968.835.172
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		154.691.218	(2.185.710.283)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(16.003.482.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(16.003.482.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.197.348.780	7.015.840.526
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.988.514.766	2.972.674.240
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		12.185.863.546	9.988.514.766


Hoàng Thị Huệ
Người lập biểu


Đặng Quang Hiệu
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Doanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sơn La, ngày 30 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400105091, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/07/2019 (đăng ký lần đầu số 224.03.000081 ngày 29/12/2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty tại: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La. Hiện nay, Văn phòng Công ty được đặt tại: Số 36 - V5A, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 106.000.000.000 đồng; tương đương 10.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 18 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 18 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là thiết kế, xây dựng và tư vấn giám sát các công trình thủy điện và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2021, Công ty đã chuyển hướng kinh doanh từ xây lắp sang cho thuê hoạt động tại tầng 7 tại tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và bán thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Trong năm, công ty đã ghi nhận doanh thu đối với một phần nghiệm thu bổ sung theo quyết toán về việc đưa đón công nhân xây dựng từ nhà trạm đến hiện trường xây lắp tại công trình Thủy điện Lai Châu dẫn đến doanh thu năm nay tăng mạnh so với năm trước. Mặt khác, Công ty đã điều chỉnh giảm doanh thu xây lắp theo quyết toán với Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La tại dự án Công trình Thủy điện Sơn La và Công trình Thủy điện Nậm Chiến với tổng giá trị là 3.583.013.810 VND. Do đó, lãi từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình công nghiệp
Chi nhánh Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hà Nội hạch toán độc lập và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng hoặc tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Công ty xác định dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo xét đoán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là: Chi phí thuê dài hạn trả tiền một lần đối với phần diện tích tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại là 40 năm từ thời điểm nhận bàn giao sử dụng (quý 3 năm 2011).

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh từ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công, chi phí thí nghiệm và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

2.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2021 là cho thuê mặt bằng tại tầng 7 tại tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	43.217.490	22.438.578
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.142.646.056	966.076.188
Các khoản tương đương tiền	-	9.000.000.000
	12.185.863.546	9.988.514.766

Mã chứng khoản	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	41.746.413.455	14.620.921.000	41.746.413.455	14.620.921.000
Công ty CP Sông Đà 7.02 ⁽ⁱ⁾	41.746.413.455	14.620.921.000	41.746.413.455	14.620.921.000
Các khoản đầu tư khác	14.340.758.778	2.046.720.000	14.408.758.778	1.173.120.000
Các khoản đầu tư khác do Công ty góp vốn	9.342.040.528	2.046.720.000	8.888.777.778	1.173.120.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5.051.000.000	-	5.051.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty CP Sông Đà 7.04 ^(iv)	2.737.777.778	2.046.720.000	2.737.777.778	1.173.120.000
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	453.262.750	-	-	-
Các khoản đầu tư khác được ủy thác đầu tư	4.998.718.250	-	5.519.981.000	-
Công ty CP Thủy điện Nậm He ^(v)	3.370.000.000	-	3.370.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam ^(vi)	1.009.400.000	-	1.009.400.000	-
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 ^(v)	619.318.250	-	1.140.581.000	-
	56.087.172.233	16.667.641.000	(27.729.087.778)	15.794.041.000
			56.155.172.233	(28.702.527.778)

⁽ⁱ⁾ Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 (mã cổ phiếu S72) dựa trên giá đóng cửa trên sàn giao dịch UPCOM tại ngày 31/12/2020 và ngày 31/12/2021 (tuy nhiên cổ phiếu S72 đã lâu không phát sinh giao dịch). Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đà 7.02 căn cứ vào giá trị ước tính có thể thu hồi được của khoản đầu tư.

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam dựa trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty này.

(iii) Tại ngày 31/12/2021, theo thông tin từ Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà, mã số thuế 5700646454 đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Đồng thời, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty này tại ngày 31/12/2021, do đó Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà.

(iv) Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04: Giá trị hợp lý tại ngày đầu năm và cuối năm của khoản đầu tư tài chính này được xác định theo giá đóng cửa chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021.

Đối với các khoản đầu tư còn lại ngoài đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(v) Đây là số cổ phần mà Công ty nhận ủy thác từ các cá nhân trước đây việc tại Công ty và Công ty Cổ phần Someco Sông Đà theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân và tổ chức này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư chứng khoán sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân và tổ chức nêu trên. Do đó, Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư tài chính này. Số tiền Công ty nhận ủy thác của các nhân được theo dõi trên khoản mục phải trả khác (chi tiết tại thuyết minh 15).

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	4.177.406	34,81%	34,81%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Đầu tư vào đơn vị khác					
Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:					
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Việt Nam	Thành phố Hà Nội	606.040	15,84%	19,00%	Sản xuất và kinh doanh sắt-xốp phôi thép
Công ty CP Thủy điện Năm Hè	Tỉnh Điện Biên	300.000	0,00%	2,31%	Thủy điện
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	Tỉnh Quảng Ninh	114.058	0,95%	4,18%	Thủy điện
Công ty CP Sông Đà 7.04	Tỉnh Sơn La	249.600	3,85%	3,85%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	107.258	0,42%	15,98%	Xây dựng

(*) Tỷ lệ lợi ích chi tính trên giá trị của khoản đầu tư do Công ty góp vốn (không tính giá trị được ủy thác).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	20.027.256.297	-	25.149.106.595	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Sơn La	9.407.438.502	-	9.407.438.502	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	61.965.535.880	-	64.465.535.880	-
Ban Quản lý dự án thủy điện I	1.586.565.351	-	1.586.565.351	-
Tổng Công ty Licogi - CTCP	-	-	5.495.665.990	-
Các đối tượng khác	11.876.339.761	(1.352.587.186)	9.242.161.940	(1.352.587.186)
	104.863.135.791	(1.352.587.186)	115.346.474.258	(1.352.587.186)
b) Trong đó: Phải thu hàng là các bên liên quan	1.844.492.012	-	1.844.492.012	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp số dư lớn				
- Công ty CP Sông Đà 6	213.180.000	-	213.180.000	-
- Các đối tượng khác	1.946.353.391	(1.392.145.500)	2.024.570.994	(942.145.500)
	2.159.533.391	(1.392.145.500)	2.237.750.994	(942.145.500)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 ⁽ⁱ⁾	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Sông Đà Miền Bắc ⁽ⁱⁱ⁾	12.200.000.000	-	10.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Việt Dũng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.000.000.000	-	-	-
	24.300.000.000	-	15.300.000.000	-
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

⁽ⁱ⁾ Phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 theo hợp đồng số: 01/2019/HĐVV/SĐ 7.02-SĐ 7 ngày 20/12/2019 với mục đích hỗ trợ Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất 10%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 5.100.000.000 VND. Hiện nay 2 bên chưa ký phụ lục gia hạn hợp đồng.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ/CT-HĐQT ngày 28/10/2020 của Công ty, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án cho Công ty TNHH Thương mại Sông Đà Miền Bắc vay vốn lưu động, thông tin cụ thể theo hợp đồng số: 01/2020/HĐVV/MB-SĐ 7 ngày 30/10/2020 như sau:

- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày cho vay và được gia hạn theo thỏa thuận.
- Lãi suất 7,5%/năm.
- Số dư cho vay tại ngày 31/12/2021 là 12.200.000.000 VND.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Theo hợp đồng cho vay số 01/2021/HĐVV/VIETDUNG-SĐ7 ngày 09/03/2021 và Hợp đồng cho vay số 02/2021/HĐVV/VIETDUNG-SĐ7 ngày 25/05/2021, Công ty thực hiện cho công ty Cổ phần Việt Dũng vay vốn với tổng giá trị các khoản vay tại 31/12/2021 là 7.000.000.000 VND

- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn cho vay là 5 tháng kể từ ngày cho vay và được gia hạn theo thỏa thuận.
- Lãi suất 8,6%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu công nợ tạm ứng	3.708.411.540	-	6.192.011.540	(33.000.000)
Phải thu khác	20.802.615.798	(16.318.520.810)	17.075.921.048	(16.285.520.810)
- Tiền tạm ứng các đối tượng đã nghỉ việc	10.463.289.145	(10.410.052.127)	10.430.289.145	(10.377.052.127)
- Bà Trần Thị Tuyết - Tiền chuyển nhượng cổ phần ⁽¹⁾	1.025.000.000	(1.025.000.000)	1.025.000.000	(1.025.000.000)
- Công ty CP Sông Đà 7.05 - Tiền ứng vốn SXKD ⁽²⁾	4.751.036.818	(4.751.036.818)	4.751.036.818	(4.751.036.818)
- Phải thu lãi cho vay	2.903.959.056	-	-	-
- Tiền cổ tức phải thu Cao Nguyên Sông Đà 7	317.283.925	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	1.342.046.854	(132.431.865)	869.595.085	(132.431.865)
	24.517.027.338	(16.318.520.810)	23.273.932.588	(16.318.520.810)
Trong đó: Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	1.510.296.213	-	238.929.090	-

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32)

⁽¹⁾ Khoản phải thu Bà Trần Thị Tuyết về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 06/2010/HĐCNCP từ năm 2010.

⁽²⁾ Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Sông Đà 7.05 vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty không tính lãi khoản vay này.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	8.434.818.527	7.082.231.341	8.434.818.527	7.082.231.341
Trả trước cho người bán	1.392.145.500	-	1.392.145.500	-
Phải thu khác	16.319.020.810	500.000	16.319.020.810	500.000
- Công ty CP Sông Đà 7.05	4.751.036.818	-	4.751.036.818	-
- Bà Trần Thị Tuyết	1.025.000.000	-	1.025.000.000	-
- Các đối tượng đã nghỉ việc	10.377.552.127	500.000	10.377.552.127	500.000
- Các đối tượng khác	165.431.865	-	165.431.865	-
	26.145.984.837	7.082.731.341	26.145.984.837	7.082.731.341

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.290.576.233	273.366.615	6.563.942.848
- Thanh lý, nhượng bán	(3.022.625.238)	-	(3.022.625.238)
Số dư cuối năm	3.267.950.995	273.366.615	3.541.317.610
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.065.881.316	273.366.615	6.339.247.931
- Thanh lý, nhượng bán	(3.022.625.238)	-	(3.022.625.238)
Số dư cuối năm	3.043.256.078	273.366.615	3.316.622.693
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	224.694.917	-	224.694.917
Tại ngày cuối năm	224.694.917	-	224.694.917

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.121.237.612 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền thuê dài hạn văn phòng làm việc ⁽¹⁾	17.914.988.458	18.513.811.762
	17.914.988.458	18.513.811.762

⁽¹⁾ Chi phí thuê dài hạn trả tiền một lần đối với phần diện tích tầng 7 tòa nhà Tổng Công ty Sông Đà tại Lô HH 4 Mễ Trì Hạ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho thời gian sử dụng còn lại là 40 năm từ thời điểm nhận bàn giao sử dụng (quý 3 năm 2011).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÃN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	-	-	8.198.638.860	13.739.628.299
- Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
- Các đối tượng khác	21.524.744.110	21.524.744.110	21.160.876.592	21.160.876.592
	23.817.609.474	23.817.609.474	31.652.380.816	37.193.370.255
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364	2.292.865.364
- Doanh nghiệp tư nhân Hoành Sơn	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698	1.300.916.698
- Phải trả cho các đối tượng khác	6.141.158.326	6.141.158.326	6.141.158.326	6.141.158.326
	9.734.940.388	9.734.940.388	9.734.940.388	9.734.940.388
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>	-	-	8.198.638.860	8.198.638.860

Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.085.246.915	-	2.000.000	-	-	1.085.246.915	-	2.000.000	-	2.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.367.998	-	-	-	-	-	-	14.367.998	14.367.998
Thuế thu nhập cá nhân	-	323.002.183	-	7.638.464	27.370.110	-	-	-	305.270.537	305.270.537
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.717.089.870	-	-	966.035.000	-	-	-	4.751.054.870	4.751.054.870
	1.085.246.915	6.056.460.051	6.056.460.051	7.638.464	993.405.110	1.085.246.915	1.085.246.915	5.070.693.405		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**a) Ngân hạn**

Chi phí lãi vay

Trích trước chi phí thi công

- Chi phí thi công công trình Thủy điện Lai Châu

- Chi phí thi công công trình Thủy điện Nậm Chiến

- Chi phí thi công công trình Thủy điện Bản Chát

- Chi phí thi công các công trình khác

Chi phí phải trả khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
	3.948.032.009	3.948.032.009		
	25.331.748.796	25.331.748.796		
	2.578.145.154	2.578.145.154		
	14.010.353.022	14.010.353.022		
	3.970.382.039	3.970.382.039		
	4.772.868.581	4.772.868.581		
	60.000.000	60.000.000		
	29.339.780.805	29.339.780.805		
	3.948.032.009	3.948.032.009		
	3.948.032.009	3.948.032.009		

b) Chi phí phải trả quá hạn

Chi phí lãi vay

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.304.480.080	1.322.141.412
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	699.844.200	699.844.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.413.750.024	9.060.421.431
- <i>Cổ tức phải trả</i>	193.382.640	193.382.640
- <i>Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư</i>	1.076.941.435	657.848.660
- <i>Phải trả Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát</i>	1.030.951.682	1.030.951.682
- <i>Tiền thưởng phải trả</i>	849.000.000	849.000.000
- <i>Phải trả tiền ủy thác mua cổ phần của CBCNV⁽¹⁾</i>	1.876.737.250	2.330.000.000
- <i>Ban Điều hành Thủy điện Sơn La</i>	3.583.013.810	-
- <i>Phải trả khác</i>	3.803.723.207	3.999.238.449
	14.418.074.304	11.082.407.043
b) Dài hạn		
Phải trả Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tiền ủy thác mua cổ phần ⁽¹⁾	1.040.000.000	1.040.000.000
Phải trả CBCNV tiền ủy thác mua cổ phần ⁽¹⁾	2.081.981.000	2.149.981.000
	3.121.981.000	3.189.981.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cổ tức phải trả	193.382.640	193.382.640
Tiền cổ tức nhận ủy thác đầu tư	1.076.941.435	657.848.660
Phải trả Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.030.951.682	1.030.951.682
Tiền thưởng phải trả	849.000.000	849.000.000
Phải trả các đối tượng khác	123.530.712	123.530.712
	3.273.806.469	2.854.713.694

⁽¹⁾ Đây là số tiền mà Công ty nhận ủy thác từ các cá nhân trước đây từng làm việc tại Công ty và Công ty Cổ phần Someco Sông Đà theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân và tổ chức này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phần, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân và tổ chức nêu trên (xem thuyết minh số 04).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	4.300.579.644	123.365.510.969
Lỗ trong năm trước	-	-	(1.478.416.773)	(1.478.416.773)
Số dư cuối năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	2.822.162.871	121.887.094.196
Số dư đầu năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325	2.822.162.871	121.887.094.196
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.118.102.299)	(1.118.102.299)
Số dư cuối năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325	1.704.060.572	120.768.991.897

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Hữu Doanh	21.021.000.000	19,83%	21.021.000.000	19,83%
Ông Nguyễn Trọng Khoa	8.000.000.000	7,55%	8.000.000.000	7,55%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	25.000.000.000	23,58%	25.000.000.000	23,58%
Các cổ đông khác	51.979.000.000	49,04%	51.979.000.000	49,04%
Cộng	106.000.000.000	100%	106.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	106.000.000.000	106.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	106.000.000.000	106.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.600.000	10.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.600.000	10.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.600.000	10.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	4.300.579.644	123.365.510.969
Lỗ trong năm trước	-	-	(1.478.416.773)	(1.478.416.773)
Số dư cuối năm trước	106.000.000.000	13.064.931.325	2.822.162.871	121.887.094.196
Số dư đầu năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325	2.822.162.871	121.887.094.196
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.118.102.299)	(1.118.102.299)
Số dư cuối năm nay	106.000.000.000	13.064.931.325	1.704.060.572	120.768.991.897

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Hữu Doanh	21.021.000.000	19,83%	21.021.000.000	19,83%
Ông Nguyễn Trọng Khoa	8.000.000.000	7,55%	8.000.000.000	7,55%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	25.000.000.000	23,58%	25.000.000.000	23,58%
Các cổ đông khác	51.979.000.000	49,04%	51.979.000.000	49,04%
Cộng	106.000.000.000	100%	106.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	106.000.000.000	106.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	106.000.000.000	106.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.600.000	10.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.600.000	10.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.600.000	10.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.600.000	10.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.064.931.325	13.064.931.325
	13.064.931.325	13.064.931.325

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty đang cho thuê tầng 7, tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo các hợp đồng số 08/2019/HĐTN/SĐ7-NTQ ngày 08/10/2019, 01/2019/HĐTN/SĐ7-GEO ngày 23/01/2019, 03/2019/HĐTN/SĐ7-WILAD ngày 09/04/2019 với tổng diện tích là 803 m²; đơn giá cho thuê lần lượt là 286.000 VND/m²/tháng, 260.000 VND/m²/tháng và 260.000 VND/m²/tháng. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.353.720.000	2.423.720.000
- Từ 1 năm đến 5 năm	1.469.460.000	1.539.460.000
- Trên 5 năm	-	-

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.707.408.820	-
Doanh thu cho thuê bất động sản	2.536.438.289	2.587.469.744
Doanh thu bán hàng hóa	400.000.000	-
	4.643.847.109	2.587.469.744

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị giảm giá xây lắp theo quyết toán ⁽¹⁾	3.583.013.810	-
	3.583.013.810	-

⁽¹⁾ Đây là phần giảm giá thi công xây dựng theo quyết toán với chủ đầu tư là Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La tại Công trình thủy điện Sơn La và Thủy điện Nậm Chiến.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	-	(417.095.582)
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	1.425.449.465	1.594.508.230
Giá vốn bán hàng hóa	350.000.000	-
	1.775.449.465	1.177.412.648

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.222.286.638	958.862.570
Cổ tức, lợi nhuận được chia	317.283.925	-
	3.539.570.563	958.862.570
Trong đó: lãi cho vay từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	1.271.367.123	-

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	165.017.773
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(973.440.000)	-
	(973.440.000)	165.017.773

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.998.067	202.409.835
Chi phí nhân công	3.974.834.035	4.203.183.448
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	39.960.989	115.271.192
Thuế, phí và lệ phí	25.297.686	-
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	(220.988.875)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.638.823	224.061.790
Chi phí khác bằng tiền	271.163.215	392.861.510
	4.861.892.815	4.916.798.900

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	636.363.636	65.454.545
Thu từ giảm trừ trích trước chi phí	-	1.199.430.847
Các khoản khác	11.669.399	-
	648.033.035	1.264.885.392

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm và phạt vi phạm hành chính	4.961.697	405.128
Chi tiền tài trợ xây dựng công trình Bạch Nao An Viên	300.000.000	-
Chi phí sửa chữa công trình đã thi công	373.447.252	-
Các khoản khác	24.227.967	30.000.030
	702.636.916	30.405.158

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
Các khoản điều chỉnh tăng	304.961.697	1.718.793
- Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm và phạt vi phạm hành chính	4.961.697	1.718.793
- Chi tiền tài trợ xây dựng công trình Bạch Nao An Viên	300.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(317.283.925)	-
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(317.283.925)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.130.424.527)	(1.476.697.980)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	14.367.998	14.367.998
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	14.367.998	14.367.998

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.118.102.299)	(1.478.416.773)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.600.000	10.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(105)	(139)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.998.067	202.409.835
Chi phí nhân công	3.974.834.035	3.786.087.866
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	39.960.989	115.271.192
Thuế, phí và lệ phí	25.297.686	-
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	(220.988.875)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.698.088.288	1.818.570.020
Chi phí khác bằng tiền	271.163.215	392.861.510
	6.287.342.280	6.094.211.548

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	* 31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.185.863.546	-	9.988.514.766	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	129.382.163.129	(17.671.107.996)	138.620.406.846	(17.671.107.996)
Các khoản cho vay	24.300.000.000	-	23.500.000.000	-
Cộng	165.868.026.675	(17.671.107.996)	172.108.921.612	(17.671.107.996)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	41.357.664.778	45.924.768.859
Chi phí phải trả	29.339.780.805	29.339.780.805
Cộng	70.697.445.583	75.264.549.664

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.185.863.546	-	12.185.863.546
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.711.055.133	-	111.711.055.133
Các khoản cho vay	24.300.000.000	-	24.300.000.000
Cộng	148.196.918.679	-	148.196.918.679
Tại ngày 01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.988.514.766	-	9.988.514.766
Phải thu khách hàng, phải thu khác	120.949.298.850	-	120.949.298.850
Các khoản cho vay	23.500.000.000	-	23.500.000.000
Cộng	154.437.813.616	-	154.437.813.616

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021			
Phải trả người bán, phải trả khác	38.235.683.778	3.121.981.000	41.357.664.778
Chi phí phải trả	29.339.780.805	-	29.339.780.805
Cộng	67.575.464.583	3.121.981.000	70.697.445.583
Tại ngày 01/01/2021			
Phải trả người bán, phải trả khác	42.734.787.859	3.189.981.000	45.924.768.859
Chi phí phải trả	29.339.780.805	-	29.339.780.805
Cộng	72.074.568.664	3.189.981.000	75.264.549.664

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng số 11/2016/SĐ7-XMMB/ĐHCNVG ngày 02/08/2016 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 7 và Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc về việc chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn do Công ty Cổ phần Sông Đà 7 sở hữu với số tiền là 49.250.000.000 VND tương ứng với 98,5% vốn điều lệ; giá bán là 20.601.592.039 VND.

Theo phụ lục hợp đồng số 02/2016/PLHĐ/SĐ7-XMMB ngày 02/08/2016, Công ty CP Sông Đà 7 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc số tiền chênh lệch 1.597.129.556 VND giữa khoản nợ phải trả của Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn tại thời điểm chuyển nhượng là 10.995.537.517 VND và phần được Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc chấp nhận thanh toán là 9.398.407.961 VND.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, chưa có Biên bản làm việc giữa các bên có liên quan về nghĩa vụ thanh toán khoản công nợ này. Do đó Công ty chưa ghi nhận khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Lãi cho vay		1.271.367.123	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.271.367.123	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		1.844.492.012	4.144.500.012
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.844.492.012	4.144.500.012
Phải thu về cho vay		5.100.000.000	5.100.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	5.100.000.000	5.100.000.000
Phải thu khác		1.510.296.213	238.929.090
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	238.929.090	238.929.090
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Công ty liên kết	1.271.367.123	-
Phải trả người bán		-	8.198.638.860
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	Cùng chủ tịch HĐQT	-	8.198.638.860

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao của các thành viên HĐQT, lương của ban Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	214.332.848	243.838.436
Ông Quất Văn Quang	Thành viên HĐQT	174.558.573	194.558.573
Ông Đặng Quang Hiệu	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/4/2021)	111.630.845	191.630.845
Ông Trần Văn Tài	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2021)	124.798.709	174.798.709
Ông Nguyễn Văn Bút	Tổng giám đốc	165.272.727	179.772.727
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Tổng Giám đốc	229.576.618	238.576.618
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Trưởng ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021)	-	-
Ông Đặng Việt Hùng	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/4/2021)	-	-
Ông Bùi Phan Thanh	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021)	-	-
Ông Nguyễn Anh Lam	Kiểm soát viên	-	-
Ông Nguyễn Cao Sơn	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2021)	-	-

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7



Nguyễn Hữu Doanh

Trang 64

Đơn vị phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7**

Tiểu khu 5 - TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ; Website: www.songda7.com.vn